

Bản án số: **214/2021/DSST**

Ngày: 09/11/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Hoàng Hoa;

2. Ông Châu Vũ Bình;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên.

Trong ngày **09** tháng **11** năm **2020** tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 05/01/2021 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 06/5/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 153/QĐST-DS ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Đặng Văn B**, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M1, xã N, huyện X, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Do có quen biết nên trước đây bà có cho vợ chồng anh Đặng Văn B và chị Phạm Thị Ngọc C vay tiền 04 lần, mục đích vay để mua đất, ngày vay và số tiền vay mỗi lần thì bà không nhớ rõ, nhưng sau đó hai bên kết số lại tổng số tiền chị C, anh B nợ bà là 665.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24kr và chị C đã viết biên nhận cho bà vào ngày 17/8/2020, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất cho vay 2%/tháng. Sau khi vay anh B, chị C có trả lãi cho bà được 132.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Từ khi chị C, anh B ngưng không đóng lãi nữa thì bà có điện thoại cho anh B, chị C đòi nhiều lần nhưng anh chị không trả.

Đối với đầu hụi 5.000.000 đồng ghi trong biên nhận là do chị C kêu bà vô hụi giùm chị C đầu hụi 5.000.000 đồng, chị C đóng hụi sống được 02 kỳ với

số tiền 8.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa và tính số tiền 8.000.000 đồng vào tiền đóng lãi cho bà. Do đó, chị C đã đóng lãi cho bà 140.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh B, chị C có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ vay 665.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và 06 chỉ vàng 24kr, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Đặng Văn B và chị Phạm Thị Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Nhưng anh B, chị C vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà A đối với anh chị.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa nguyên đơn có thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A là có cơ sở, bởi vì giữa bà A và chị C, anh B có thỏa thuận bà A cho chị C, anh B vay số tiền 665.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24kr để anh B, chị C mua đất, theo xác minh của Tòa án thì chính quyền địa phương cung cấp anh B, chị C là vợ chồng trước khi bị vỡ nợ có mua đất cất nhà sinh sống tại địa phương nên lời khai của bà A cho rằng có cho vợ chồng anh B chị C mượn tiền là có căn cứ, anh B không có ký tên vào biên nhận nợ tuy nhiên anh cũng không phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà A nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc vợ chồng anh B, chị C trả cho bà A số tiền 665.000.000 đồng và 6 chỉ vàng 24kr (tạm tính 5.200.000 đồng/chỉ vàng 24kr) .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía anh Đặng Văn B và chị Phạm Thị Ngọc C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử căn Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà A và anh B, chị C theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A yêu cầu vợ chồng anh Đặng Văn B và chị Phạm Thị Ngọc C trả số tiền vay 665.000.000 đồng và số vàng 06 chỉ vàng 24kr. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp

là tranh chấp “ hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản” theo qui định tại Điều 166, Điều 463 Bộ luật dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A là có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ vào chứng cứ: Biên nhận ngày 17/8/2020 do bà A cung cấp thể hiện nội dung chị Phạm Thị Ngọc C và anh Đặng Văn B có vay của bà Nguyễn Thị A số tiền 665.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24kr do chị Phạm Thị Ngọc C viết và ký tên, anh B không có ký tên. Tuy nhiên, theo lời khai của bà A khai anh B và chị C là vợ chồng, anh B cũng biết việc vay tiền, vàng của bà nên bà mới đồng ý cho vay, mục đích anh B và chị C vay tiền là để anh chị mua đất và cất nhà, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Sau khi vay anh B, chị C có trả cho bà tổng cộng 140.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng không trả, bà có đòi nhiều lần nhưng không trả. Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp thông tin thể hiện anh B, chị C vào thời điểm vay tiền của bà A là vợ chồng, vợ chồng anh chị có mua đất và cất nhà ở, sinh sống tại địa phương. Điều này cho thấy việc bà A khai vợ chồng anh B, chị C vay tiền của bà để mua đất cất nhà là phù hợp. Ngoài ra, anh B và chị C được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà A nên cần buộc anh B và chị C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 665.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24kr (lấy giá vàng tại thời điểm xét xử làm tròn 5.200.000đ/01chỉ vàng 24kr làm cơ sở qui thành tiền và tính án phí) là phù hợp qui định tại Điều 166 và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Bà A không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A;

Buộc anh Đặng Văn B, Phạm Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền **665.000.000** đồng (sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và 06 (sáu) chỉ vàng 24kr.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí: Anh Đặng Văn B và chị Phạm Thị Ngọc C phải chịu 31.848.000 đồng (ba mươi một triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền 15.816.000 đồng theo biên lai thu số 0004555 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ MỸ LIL